

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29/3/2024

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Hải Đăng

2. Bà Nguyễn Thị Cương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Duy Tùng - **Thư ký Tòa án**

- **Đại diện VKSND huyện Yên Thế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn H -
Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quách Thị K, sinh năm 1996 (có mặt)

- Bị đơn: Anh Vi Thế D, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: V, xã Đ, Y, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị K trình bày:

Chị và anh D kết hôn ngày 15/01/2016 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng gần đây chị nghi ngờ anh D có quan hệ với người đàn bà khác nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, hiện đã sống ly từ tháng 8/2023 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vi Thị H1, sinh ngày 18/7/2016. Khi ly hôn chị xin nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản

Tại đơn khởi kiện ngày 28/7/2023, chị yêu cầu chia 01 nhà 01 tầng của vợ chồng làm năm 2016 trị giá khoảng 500.000.000 đồng. Về công nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị có yêu cầu giải quyết khoản vay nợ số tiền 60.000.000 của mẹ đẻ là bà Trần Thị N và khoản vay số tiền 74.000.000 đồng của ông bố chồng là

ông **Vi Văn N1**. Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 19/12/2023 và tại phiên họp, phiên hòa giải chị đã tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung là 01 nhà 01 tầng của vợ chồng làm năm 2016 trị giá khoảng 500.000.000 đồng và rút toàn bộ các yêu cầu giải quyết khoản vay nợ số tiền 60.000.000 của mẹ đẻ là bà **Trần Thị N** và khoản vay số tiền 74.000.000 đồng của ông bố chồng là ông **Vi Văn N1**. Nay chị chỉ yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

- Về tài sản riêng, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên toà hôm nay chị **K** có mặt và trình bày như trên.

*Tại bản tự khai bị đơn là anh **Vi Thế D** trình bày:

Anh kết hôn với chị **K** vào ngày 15/01/2016 tại **UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** trên cơ sở tự nguyện. Quá trình sống chung có phát sinh mâu thuẫn trong phát triển kinh tế, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly từ tháng 8/2023 đến nay. Chị **K** xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị **K**.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Vi Thị H1**, sinh ngày 18/7/2016. Khi ly hôn anh xin nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh **D** vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, công nợ chung.

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị **K** được ly hôn với anh **D**.

- Về con chung: Giao cho chị **K** nuôi dưỡng con chung là cháu **Vi Thị H1**, sinh ngày 18/7/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị **K** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Chị **K** khởi kiện yêu cầu ly hôn và con chung với anh **Vi Thế D**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: **V, xã Đ, Y, Bắc Giang**. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình

giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, anh **D** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **K** và anh **D** đăng ký kết hôn ngày 15/01/2016 tại UBND xã **Đ**, huyện **Y**, tỉnh **Bắc Giang** trên cơ sở tự nguyện nên xác định hôn nhân giữa chị **K**, anh **D** là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị nghi ngờ anh **D** có quan hệ ngoại tình, anh **D** thì cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong phát triển kinh tế, không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy, anh **D**, chị **K** đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhau, không còn tình cảm, đã sống ly thân và đều đồng ý ly hôn, điều đó cho thấy mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị **K** ly hôn anh **D** là phù hợp.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Vi Thị H1**, sinh ngày 18/7/2016, anh **D**, chị **K** đều xin được nuôi con chung. Xét thấy: Hiện nay con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị **K** và anh **D** đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên anh **D** làm nghề lái xe hay đi làm xa, cháu là con gái nên cần sự chăm sóc dạy dỗ của người mẹ để phát triển tâm sinh lý tốt nhất. Do vậy, để con chung phát triển tốt nên khi ly hôn cần giao con chung là cháu **Vi Thị H1**, sinh ngày 18/7/2016 cho chị **K** nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh **D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh **D** thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tại đơn khởi kiện ngày 28/7/2023, chị yêu cầu chia 01 nhà 01 tầng của vợ chồng làm năm 2016 trị giá khoảng 500.000.000 đồng. Về công nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị có yêu cầu giải quyết khoản vay nợ số tiền 60.000.000 của mẹ đẻ là bà **Trần Thị N** và khoản vay số tiền 74.000.000 đồng của ông bố chồng là ông **Vi Văn N1**. Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 19/12/2023 và tại phiên họp, phiên hòa giải chị đã tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung là 01 nhà 01 tầng của vợ chồng làm năm 2016 trị giá khoảng 500.000.000 đồng và rút toàn bộ các yêu cầu giải quyết khoản vay nợ số tiền 60.000.000 của mẹ đẻ là bà **Trần Thị N** và khoản vay số tiền 74.000.000 đồng của ông bố chồng là ông **Vi Văn N1**. Nay chị **K** chỉ yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung, chị xin rút yêu cầu chia tài sản chung và rút yêu cầu giải quyết công nợ chung. HĐXX thấy việc rút yêu cầu về chia tài sản chung, công nợ chung của chị **K** là tự nguyện không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội nên cần đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và chia công nợ chung của chị **K** theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tài sản riêng, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị **K**, anh **D** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Quách Thị K** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Quách Thị K** được ly hôn với anh **Vi Thế Dư**.
2. Về con chung: Giao cho chị **Quách Thị K** nuôi dưỡng cháu **Vi Thị H1**, sinh ngày 18/7/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh **D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh **D** thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công nợ chung:
 - Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị **Quách Thị K** đối với yêu cầu chia ngôi nhà 01 tầng trị giá khoảng 500.000.000 đồng và yêu cầu giải quyết khoản vay nợ số tiền của bà **Trần Thị N** số tiền 60.000.000 đồng; ông **Vi Văn N1** số tiền 74.000.000 đồng.

4. Về án phí: Chị **Quách Thị K** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 14.980.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004708 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận **Quách Thị K** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại chị **Quách Thị K** số tiền 14.680.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp còn thừa.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

Trần Hải Đăng Nguyễn Thị C

Nguyễn Thị D1